TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/10/2019
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Đặng Văn Đê

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H – sinh năm 1973 (có mặt)
Trú tại: Tổ 5, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn M – sinh năm 1964 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 5, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người làm chứng:
3.1/ Anh Đặng Mạnh C, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 5, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3.2/ Bà Phạm Thị Hạnh D, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Trú tại: 101 Nguyễn Văn Trỗi, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Đặng Văn M chính thức chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nặng lời làm tổn thương lẫn nhau nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hòa hợp, ông M thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con, mọi chuyện trong nhà đều do bà H phải tự lo liệu, gánh vác, lấy lý do công việc ông M thường xuyên không có ở nhà vào ban đêm từ đó vợ chồng không còn niềm tin với nhau. Ông bà đã nhiều lần sống ly thân nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tình trạng này kéo dài nhiều năm dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau. Hiện nay mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng bà và ông M không còn nói chuyện, quan tâm chia sẻ với nhau. Cuộc sống rất căng thẳng mệt mỏi, bà cảm thấy không thể tiếp tục với ông M được nữa nên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M.

Mặc dù đã nhận được thư mời của Tòa nhưng ông M nhiều lần vắng mặt, cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án, bà H cảm thấy rất mệt mỏi và ảnh hưởng đến công việc. Vì thế bà đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung là Đặng Mạnh C, sinh ngày 02/02/1996 và Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/02/2002. Hiện cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, bà tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông M.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập đến Toà làm việc nhưng ông M vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông M.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông M, kết quả Trưởng ban điều hành khu phố 5, phường L, thành phố B xác nhận ông Đặng Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại: Tổ 5, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng với bà H và các con. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai người làm chứng để xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông M và bà H.

[2]. Về ý kiến của người làm chứng bà Phạm Thị Hạnh D:

Bà Phạm Thị Hạnh D là bạn thân của bà H, cả hai cùng công tác tại Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc khoảng 10 năm nay. Do là bạn thân nên bà D có biết về mối quan hệ vợ chồng giữa ông M bà H qua lời tâm sự của bà H. Theo bà D thì từ rất lâu rồi bà H thường tâm sự về cuộc sống vợ chồng, bà H nói rằng ông M là người đàn ông thiếu trách nhiệm với gia đình, hầu như không quan tâm đến mọi việc trong nhà, không phụ giúp về kinh tế, không quan tâm chăm lo nuôi dạy con chung, là phụ nữ nhưng bà H là người phải lo toan tất cả. Mặt khác ông M lấy lý do là trực đêm ở nơi làm việc nên thường xuyên không ở

nhà vào ban đêm. Có khi bà H đến nơi làm để tìm thì không thấy ông M trực và cũng không biết đi đâu. Cuộc sống trong gia đình cũng rất nhàm chán, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, thời gian gần đây mọi chi phí trong nhà đều do bà H lo liệu. Tình trạng này kéo dài đã lâu vì thương con nên bà H cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân nhưng ông M không có sự sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên bà H quyết định ly hôn.

[3]. Về ý kiến của người làm chứng anh Đặng Mạnh C:

Anh Đặng Mạnh C là con ruột của bà H và ông M. Là con sống chung trong gia đình nên anh C cũng có biết và chứng kiến mâu thuẫn giữa cha và mẹ. Ngay từ khi còn nhỏ lúc còn học cấp 2, anh đã chứng kiến cha mẹ thường xuyên cãi vã, không hòa hợp với nhau. Tình trạng này xảy ra trong suốt một thời gian dài. Thời gian gần đây mỗi khi về thăm nhà anh C thấy giữa cha mẹ không còn nói chuyện với nhau và cũng không có sự quan tâm yêu thương chăm sóc nhau. Theo anh C thì do giữa cha mẹ đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu và tính tình không hòa hợp nên không thể nói chuyện được với nhau. Vấn đề ly hôn anh cũng đã nghe mẹ tâm sự nhiều lần vì mâu thuẫn giữa mẹ và ba xảy ra từ lâu. Vấn đề ly hôn là chuyện của cha mẹ do cha mẹ quyết định anh không có ý kiến.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn ông M chưa chấp hành mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai người làm chứng và lời trình bày của bà H tại phiên tòa, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà H đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông M; về con chung: theo nguyện vọng của cháu N, bà H được quyền nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí: bà H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H có đơn xin ly hôn, ông Đặng Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại thành phố B nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đặng Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Đặng Văn M là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Bà H đã cố gắng chịu đựng, hàn gắn, vun đắp tình cảm để vợ chồng chung sống chăm lo nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Thâm chí mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng ông bà đã ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, không có sự chia sẻ với nhau. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà H vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn. Bản thân ông M biết rõ việc bà H yêu cầu ly hôn và đã nhận được thông báo thụ lý, các thông báo về phiên hòa giải, quyết định xét xử của Tòa án nhưng không đến Tòa làm việc để trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà H mà bỏ mặc, điều đó thể hiện ông M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ lời khai của anh Đặng Mạnh C là con ruột của ông M và bà H cũng xác nhận mâu thuẫn giữa ông M và bà H là có thật và đã xảy ra từ nhiều năm nay, cả hai không còn sự quan tâm chia sẻ, cuộc sống không có hạnh phúc. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà H là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà H và ông M là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông M.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông M có 02 con chung là Đặng Mạnh C, sinh ngày 02/02/1996 và Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/02/2002. Hiện cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Quỳnh N đến tuổi trưởng thành. Theo nguyện vọng của cháu N và để đảm bảo cho cháu có điều kiện sống tốt nhất, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/02/2002 đến tuổi trưởng thành. Việc bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

+ Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đặng Văn M.

+ Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Đặng Văn M có 02 con chung là Đặng Mạnh C, sinh ngày 02/02/1996 và Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/02/2002. Hiện cháu Cường đã trưởng thành nên không giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu N, bà Lê Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/02/2002 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2017/0008785 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/10/2019), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Anh